

HIỆN TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ SỬ DỤNG ĐẤT LÂM NGHIỆP TẠI HUYỆN QUẢNG TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

Bùi Thị Thu^{1*}, Nguyễn Minh Nguyệt², Lê Minh Đăng¹

¹ Khoa Địa lý - Địa chất, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế

² Khoa Kinh tế chính trị, Học viện Báo chí và Tuyên truyền

*Email: lapthuhue@gmail.com

Ngày nhận bài: 4/9/2019; ngày hoàn thành phản biện: 10/9/2019; ngày duyệt đăng: 02/10/2019

TÓM TẮT

Quảng Trạch là huyện có nhiều thế mạnh lâm nghiệp, với diện tích đất lâm nghiệp chiếm 54,83% tổng diện tích đất tự nhiên. Trong đó, diện tích rừng sản xuất đã chiếm hơn 55,3% tổng diện tích đất lâm nghiệp của huyện, mở ra nhiều thuận lợi trong việc phát triển rừng. Tuy nhiên, tình trạng sử dụng đất rừng chưa hiệu quả đã ảnh hưởng không nhỏ đến sự phát triển lâm nghiệp của huyện. Việc phân tích hiệu quả sử dụng đất lâm nghiệp chính là cơ sở để đề xuất các giải pháp sử dụng hợp lý tài nguyên này ở địa phương.

Từ khóa: Đất lâm nghiệp, hiệu quả sử dụng đất, huyện Quảng Trạch

1. MỞ ĐẦU

Là một bộ phận của đất nông nghiệp, đất lâm nghiệp (ĐLN) được hiểu là đất đang có rừng (gồm rừng tự nhiên và rừng trồng) và đất mới được trồng rừng hoặc trồng kết hợp khoanh nuôi tự nhiên [6]. Trong xu hướng chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hiện đại cộng với sức ép về mở rộng sản xuất công nghiệp hiện nay thì việc sử dụng ĐLN một cách hiệu quả và bền vững có ý nghĩa quan trọng trong việc phát triển kinh tế - xã hội và đặc biệt là bảo vệ môi trường sinh thái.

Nằm ở phía Bắc của tỉnh Quảng Bình với địa thế đa dạng, Quảng Trạch có nhiều lợi thế cho phát triển lâm nghiệp. Trong tổng diện tích tự nhiên (44.787,86 ha) của toàn tỉnh, ĐLN chiếm hơn 1/2, tập trung phần nhiều ở diện tích đất rừng sản xuất. Trong những năm qua, vấn đề sử dụng ĐLN còn nhiều hạn chế. Do đó, bài báo này tập trung phân tích hiện trạng và đánh giá hiệu quả sử dụng ĐLN, chủ yếu là đất rừng sản xuất nhằm đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng ĐLN ở huyện Quảng Trạch.

2. DỮ LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Dữ liệu

- Dữ liệu thứ cấp: bao gồm báo cáo về điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên, tình hình phát triển kinh tế xã hội, hiện trạng sử dụng ĐLN, niên giám thống kê tỉnh Quảng Bình, niên giám thống kê huyện Quảng Trạch...

- Dữ liệu sơ cấp: Bao gồm các phiếu điều tra hiệu quả sử dụng ĐLN của 60 hộ gia đình với thông tin chung về hộ gia đình, diện tích, giống, mức thu nhập,... trong việc trồng rừng.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

- *Phương pháp thu thập dữ liệu thứ cấp*: Các dữ liệu thứ cấp bao gồm các tài liệu, thông tin liên quan đến vấn đề nghiên cứu từ UBND huyện Quảng Trạch, Phòng Nông nghiệp, Phòng Tài Nguyên và Môi trường huyện Quảng Trạch, UBND các xã; Ban quản lý rừng phòng hộ, Hạt kiểm lâm... Từ đó, đánh giá và lựa chọn các thông tin có giá trị quan trọng đối với nội dung nghiên cứu.

- *Phương pháp khảo sát thực địa kết hợp điều tra xã hội học*: Một số tuyến, điểm khảo sát thực địa đã được tiến hành nhằm thu thập thêm nguồn dữ liệu chính xác phục vụ cho mục đích nghiên cứu. Bên cạnh đó, các mẫu điều tra xã hội học cũng đã được thiết kế phù hợp với nội dung nghiên cứu nhằm thu thập các lợi ích và chi phí của việc sử dụng ĐLN. Địa điểm được lựa chọn để điều tra xã hội học là 2 thôn Thanh Xuân và Bưởi Rời thuộc xã Quảng Hợp của huyện Quảng Trạch. Việc khảo sát thực địa kết hợp với điều tra xã hội học đối với 60 hộ dân của 2 thôn được lựa chọn ngẫu nhiên nhằm thu thập thông tin một cách khách quan nhất, phục vụ mục đích nghiên cứu.

- *Phương pháp thống kê và xử lý số liệu*: Tiến hành thống kê tất cả các dữ liệu sơ cấp và thứ cấp được thu thập từ các báo cáo thống kê, qua khảo sát thực địa, phỏng vấn các hộ dân,... . Từ đó, tiến hành phân tích, so sánh, đánh giá để rút ra những kết quả tổng hợp và chính xác nhất về hiện trạng sử dụng cũng như hiệu quả sử dụng ĐLN của huyện Quảng Trạch. Kết quả nghiên phân tích, đánh giá là cơ sở khoa học để đề xuất các giải pháp sử dụng tài nguyên ĐLN hợp lý ở khu vực nghiên cứu.

- *Phương pháp lấy ý kiến chuyên gia*: Để có được những đánh giá chính xác và đủ độ tin cậy, việc lấy ý kiến chuyên gia từ các phòng, ban chuyên môn về vấn đề sử dụng ĐLN ở địa bàn nghiên cứu là cần thiết. Các chuyên gia trong lĩnh vực này sẽ cung cấp cái nhìn sâu sắc, toàn diện về những bất cập, những khó khăn trong quá trình thực hiện sử dụng ĐLN ở địa phương. Đây cũng chính là một căn cứ quan trọng để đưa ra các giải pháp phù hợp và hiệu quả trong thực tiễn.

- *Phương pháp đánh giá hiệu quả sử dụng ĐLN*:

Hiệu quả sử dụng ĐLN được đánh giá ở 3 khía cạnh:

+ *Hiệu quả kinh tế*: được đánh giá thông qua tiêu chí về giá trị hiện tại ròng trung bình (NPV/ha/năm – được tính theo công thức 1) và hiệu quả sử dụng đồng vốn (BCR – được tính theo công thức 2):

$$NPV = \sum_{t=0}^n \frac{B_t - C_t}{(1+r)^t} \quad (1)$$

$$BCR = \frac{\sum_{t=0}^n \frac{B_t}{(1+r)^t}}{\sum_{t=0}^n \frac{C_t}{(1+r)^t}} \quad (2)$$

Trong đó: r: Tỷ lệ chiết khấu, được tính theo mức lãi vay vốn ngân hàng bình quân giai đoạn 2014 - 2018 là $r = 9\% = 0,09$.

n: Số năm trên trục thời gian, tương ứng với thời gian 2014 - 2018 (5 năm)

t: Số năm điều tra, B: Lợi ích tại năm t.

C_t: Chi phí tại năm t (Chi phí nhân công, cây giống, phân bón,...).

Việc phân hạng hiệu quả kinh tế trung bình của việc sử dụng ĐLN ở lãnh thổ nghiên cứu dựa vào kết quả điều tra và tính toán, phân cấp theo khoảng cách đều từ hộ có NPV, BCR thấp nhất đến cao nhất.

+ *Hiệu quả xã hội* được đánh giá theo 02 tiêu chí: mức độ chấp nhận của người sử dụng ĐLN và mức độ phù hợp với chiến lược, quy hoạch ngành lâm nghiệp.

+ *Hiệu quả môi trường* được xác định theo 2 chỉ tiêu: tăng khả năng che phủ đất và phòng hộ của rừng; duy trì bảo vệ đất.

Mỗi chỉ tiêu đánh giá được phân cấp thành 4 mức độ khác nhau.

Tổng hợp các tiêu chí về hiệu quả xã hội, môi trường được thể hiện ở bảng 1.

Bảng 1. Phân cấp hiệu quả kinh tế môi trường và xã hội

TT	Chỉ tiêu	Phân cấp	Ký hiệu	Thang điểm
1	Mức độ chấp nhận của người sử dụng ĐLN	Không chấp nhận	CN1	1
		Ít chấp nhận	CN2	2
		Chấp nhận	CN3	3
		Hoàn toàn chấp nhận	CN4	4
2	Mức độ phù hợp với chiến lược, quy hoạch ngành lâm nghiệp	Không phù hợp	PHN1	1
		Ít phù hợp	PHN2	2
		Phù hợp	PHN3	3
		Rất phù hợp	PHN4	4
3	Tăng khả năng che phủ đất và phòng hộ	Thấp (<10%)	TCP1	1
		Trung bình (10,0 - 29,9%)	TCP2	2

	hộ của rừng	Khá cao (30 - 49,9%)	TCP3	3
		Rất cao (≥ 50%)	TCP4	4
4	Duy trì bảo vệ đất	Tác động đến đất và gây suy thoái	BVD1	1
		Duy trì bảo vệ đất	BVD2	2
		Cải thiện chất lượng đất khá tốt	BVD3	3
		Cải thiện chất lượng đất rất tốt	BVD4	4

Ghi chú: Phân cấp dựa vào Thông tư số 60/2015/TT-BTNMT của Bộ TN&MT [1]

Dựa trên kết quả khảo sát thực tế kết hợp với việc đánh giá các chỉ tiêu về hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường ở khu vực nghiên cứu để đánh giá tổng hợp hiệu quả sử dụng ĐLN bằng cách tính điểm trung bình nhân của các chỉ tiêu theo công thức:

$$M = \sqrt[n]{M_1 \times M_2 \times \dots \times M_n}$$

Trong đó: M là điểm đánh giá tổng hợp hiệu quả sử dụng ĐLN

n là số lượng chỉ tiêu đưa vào đánh giá thành phần;

M₁, M₂... M_n: các điểm đánh giá thành phần từng chỉ tiêu từ 1 đến n.

Việc phân hạng hiệu quả sử dụng ĐLN theo 4 hạng với khoảng cách điểm mỗi hạng cụ thể được thể hiện qua bảng 2.

Bảng 2. Phân hạng hiệu quả sử dụng ĐLN

STT	Điểm đánh giá tổng hợp	Phân hạng hiệu quả sử dụng ĐLN
1	3,26 - 4,00	Cao
2	2,51 - 3,25	Khá cao
3	1,76 - 2,50	Trung bình
4	1,00 - 1,75	Thấp

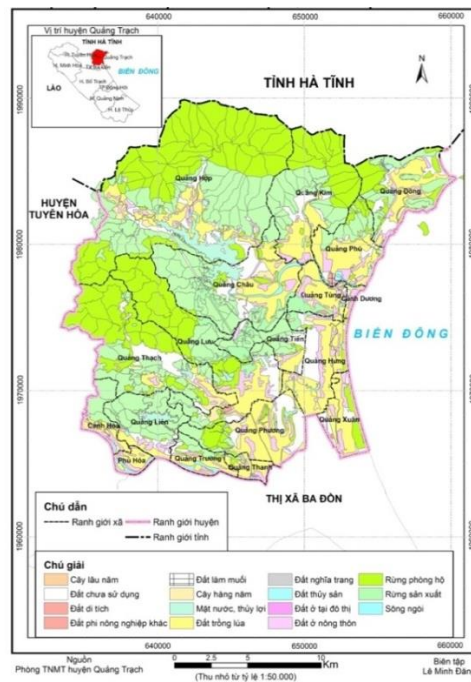
3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Hiệu quả sử dụng lâm nghiệp ở huyện Quảng Trạch

3.1.1. Hiện trạng sử dụng đất lâm nghiệp huyện Quảng Trạch

Theo kết quả thống kê đất đai [2], huyện Quảng Trạch có tổng diện tích đất nông nghiệp là 35.383,96 ha, chiếm 79% diện tích tự nhiên của huyện.

Trong đất nông nghiệp, đất lâm nghiệp gồm 26.909,12 ha, chiếm 76,05% diện tích. Trong ĐLN, đất rừng sản xuất chiếm 58,89% (35,38% diện tích tự nhiên); đất rừng phòng hộ chiếm 41,11% (24,70% diện tích tự nhiên). ĐLN tập trung thành dải rộng ở phía Tây của huyện.



Hình 1. Sơ đồ hiện trạng sử dụng đất huyện Quảng Trạch năm 2018

Trong giai đoạn 2014 - 2018, diện tích ĐLN không có nhiều sự thay đổi rõ nét được thể hiện ở bảng 3.

Bảng 3. Biến động đất lâm nghiệp huyện Quảng Trạch giai đoạn 2014 - 2018

TT	Loại hình sử dụng đất	Năm 2014		Năm 2018		Tăng (+), giảm (-)
		Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	
	Đất lâm nghiệp	27.359,45	61,08	26.909,12	60,08	- 450,33
1	Đất rừng sản xuất	16.294,81	36,38	15.845,83	35,38	- 448,98
2	Đất rừng phòng hộ	11.064,64	24,70	11.063,29	24,702	- 1,35
3	Đất rừng đặc dụng	-	-	-	-	-

Nguồn: [3, 4]

Từ bảng 3 cho thấy, trong giai đoạn 2014 - 2018, diện tích ĐLN giảm 450,33 ha, chủ yếu là giảm ở diện tích đất rừng sản xuất với 448,98 ha, còn diện tích đất rừng phòng hộ chỉ giảm 1,35 ha. Sự sụt giảm diện tích đất rừng sản xuất là do việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất sang đất trồng cây lâu năm (306,7 ha), cây hàng năm (133,98 ha), đất nông lâm nghiệp (9,05 ha),...

3.1.2. Đánh giá hiệu quả sử dụng ĐLN

* Đánh giá thành phần

- *Hiệu quả kinh tế:* Theo kết quả điều tra ngẫu nhiên 60 hộ gia đình được lựa chọn từ địa bàn nghiên cứu, có 56/60 phiếu hợp lệ, trong đó chỉ có 22/56 hộ có thu nhập

Hiện trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng đất lâm nghiệp tại huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình

từ trồng keo - loại cây trồng phổ biến và có diện tích lớn, còn lại là các hộ gia đình chưa có thu nhập. Vì vậy, hiệu quả sử dụng ĐLN trung bình của huyện Quảng Trạch được nội suy từ kết quả tính toán từ việc điều tra xã hội học. Tổng hợp tính toán và phân hạng hiệu quả kinh tế của việc sử dụng ĐLN được thể hiện ở bảng 4.

Bảng 4. Hiệu quả kinh tế của việc sử dụng đất lâm nghiệp huyện Quảng Trạch năm 2018

TT	Họ và tên	Diện tích (ha)	NPV/hộ (đồng)	NPV/ha (đồng)	Phân hạng NPV về sử dụng ĐLN	BCR	Phân hạng BCR về sử dụng ĐLN
1	Nguyễn Thanh Hải	2,5	47.855.200,8	19.142.080,3	Khá cao	2,6	Trung bình
2	Nguyễn Văn Quân	1,5	21.431.743,3	14.287.828,9	Trung bình	1,9	Thấp
3	Bùi Công Hà	2,4	38.036.733,5	15.848.638,9	Trung bình	2,3	Thấp
4	Nguyễn Văn Hào	2	36.866.027,3	18.433.013,7	Khá cao	2,5	Trung bình
5	Bùi Công Hùng	1,7	19.798.589,2	11.646.228,9	Thấp	1,9	Thấp
6	Nguyễn Văn Khoa	1,9	25.247.697,2	13.288.261,7	Trung bình	2,0	Thấp
7	Nguyễn Văn Kế	2,4	50.064.206,8	20.860.086,1	Cao	2,8	Khá cao
8	Nguyễn Văn Đại	4,2	98.131.146,1	23.364.558,6	Cao	3,4	Cao
9	Nguyễn Công Ninh	2,7	65.107.103,5	24.113.742,0	Cao	3,0	Khá cao
10	Nguyễn Văn Biên	2	30.170.281,2	15.085.140,6	Trung bình	2,2	Thấp
11	Nguyễn Văn Dương	1,8	23.248.360,8	12.915.756,0	Thấp	1,9	Thấp
12	Nguyễn Văn Ngân	2,1	43.511.087,5	20.719.565,5	Cao	2,8	Khá cao
13	Nguyễn Thị Thành	2	40.980.143,7	20.490.071,8	Khá cao	2,8	Khá cao
14	Nguyễn Minh Khai	3	52.804.409,4	17.601.469,8	Khá cao	2,7	Trung bình
15	Nguyễn Văn Thời	1,9	40.447.427,2	21.288.119,6	Cao	2,9	Khá cao
16	Bùi Xuân Chiến	2,4	43.707.021,2	18.211.258,8	Khá cao	2,8	Khá cao
17	Nguyễn Văn Ngọc	1,5	15.381.844,1	10.254.562,8	Thấp	1,8	Thấp
18	Nguyễn Tiên Phương	1,7	27.981.263,1	16.459.566,5	Trung bình	2,3	Thấp
19	Nguyễn Ngọc Hải	1,7	29.730.920,0	17.488.776,5	Khá cao	2,3	Thấp
20	Võ Minh Phương	1,7	20.590.063,4	12.111.802,0	Thấp	1,9	Thấp
21	Nguyễn Tùng	1,7	27.692.807,7	16.289.886,9	Trung bình	2,1	Thấp
22	Trần Văn Toán	4,0	74.852.456,2	18.713.114,1	Khá cao	3,6	Cao
Trung bình chung			39.710.751,5	17.209.705,9	Trung bình	2,5	Trung bình

Nguồn: Tổng hợp và tính toán từ Phiếu điều tra hộ gia đình

Kết quả tính toán được thể hiện trong bảng 4 cho thấy hiệu quả sử dụng ĐLN trung bình của Huyện qua 2 chỉ tiêu NPV và BCR đều ở mức trung bình.

- Hiệu quả xã hội:

+ Mức độ chấp nhận của người sử dụng ĐLN: Trồng rừng là phương thức canh tác truyền thống, lâu đời của nhân dân. Hoạt động này giúp tạo ra thu nhập và bảo vệ môi trường nên cơ bản được người dân chấp nhận, ở mức CN3.

+ Mức độ phù hợp với chiến lược, quy hoạch phát triển KT-XH của địa phương, chiến lược và quy hoạch ngành NN: Đối chiếu với chiến lược, quy hoạch phát triển KT-XH của địa phương, đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 của huyện Quảng Trạch đã được phê duyệt, người dân trong huyện đã triển khai trồng rừng như một giải pháp hữu hiệu để tăng thu nhập. Cùng với sự hỗ trợ vay vốn, kỹ thuật của các phòng, ban chuyên môn nên hiệu quả kinh tế trên một đơn vị diện tích ĐLN ngày càng được cải thiện. Như vậy, việc phát triển lâm nghiệp là rất phù hợp với các chiến lược, chính sách của địa phương, ở mức PHN4.

- *Hiệu quả môi trường:*

+ Tăng khả năng che phủ đất: Keo được đánh giá là cây trồng dài ngày, có khả năng che phủ đất khá cao nên được đánh giá ở mức TCP3.

+ Duy trì bảo vệ đất: Trên cơ sở khảo sát thực địa cho thấy trồng keo có tác dụng lớn trong việc hạn chế xói mòn, rửa trôi đất ở cả đồng bằng và khu vực đồi núi. chính vì thế, có thể đánh giá các vùng trồng keo đảm bảo khả năng duy trì và bảo vệ đất khá cao, ở mức BVD3.

* *Đánh giá tổng hợp hiệu quả sử dụng ĐLN:* từ kết quả đánh giá thành phần ở trên được tổng hợp thành kết quả đánh giá hiệu quả sử dụng ĐLN ở bảng 5.

Bảng 5. Kết quả đánh giá hiệu quả sử dụng ĐLN huyện Quảng Trạch

TT	Tiêu chí	Chỉ tiêu	Điểm đánh giá	Điểm tiêu chí	Phân hạng
1	Kinh tế	NPV	2	2,0	Trung bình
		BCR	2		
2	Xã hội	Mức độ chấp nhận của người sử dụng ĐLN	3	3,5	Cao
		Mức độ phù hợp với chiến lược, quy hoạch ngành lâm nghiệp	4		
3	Môi trường	Tăng khả năng che phủ đất	3	3,0	Khá cao
		Duy trì bảo vệ đất	3		
Trung bình chung				2,7	Khá cao

Từ bảng 3.3 cho thấy, hiệu quả sử dụng ĐLN tại huyện Quảng Trạch đạt mức khá cao.

3.1.3. Những khó khăn, bất cập trong sử dụng đất lâm nghiệp hiện nay

Từ việc phân tích tài liệu, khảo sát thực địa và các kết quả nghiên cứu, có thể thấy những khó khăn, bất cập chủ yếu trong sử dụng đất ở Quảng Trạch như sau:

- Thời tiết, khí hậu diễn biến khá phức tạp với nhiều hiện tượng thời tiết cực đoạn đã ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình sinh trưởng, phát triển của rừng sản xuất, gây thiệt hại cho người dân;

Hiện trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng đất lâm nghiệp tại huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình

- Vốn đầu tư vào phát triển lâm nghiệp của Huyện còn ít; người dân gặp nhiều khó khăn trong tiếp cận vốn do vậy việc ứng dụng khoa học và công nghệ vào sản xuất giống cây hay công nghệ chế biến còn hạn chế; tính liên kết giữa nhà sản xuất - doanh nghiệp chế biến và tiêu thụ còn lỏng lẻo.

- Việc sản xuất nhỏ lẻ, manh mún và phụ thuộc hoàn toàn vào thị trường làm cho việc sử dụng đất rừng gặp nhiều khó khăn.

3.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng đất lâm nghiệp ở huyện Quảng Trạch

- *Đẩy mạnh thu hút vốn đầu tư vào sản xuất lâm nghiệp:* Cần có chính sách khuyến khích và tạo điều kiện để mọi thành phần kinh tế trong và ngoài nước đầu tư vào phát triển lâm nghiệp, tạo cơ hội để người sản xuất dễ dàng tiếp cận với nguồn vốn...

- *Tăng cường nghiên cứu và mở rộng thị trường tiêu thụ:* Cần xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ tạo liên kết sản xuất giữa các hộ sản xuất; liên kết giữa hộ sản xuất với các cơ sở thu mua, chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Cần tăng cường công tác thông tin thị trường, giao trách nhiệm cho một bộ phận thường xuyên theo dõi, thu thập, xử lý và phổ biến thông tin thị trường kịp thời.

- *Thúc đẩy ứng dụng mạnh mẽ khoa học và công nghệ vào sản xuất:* Cần có chính sách đẩy mạnh việc ứng dụng khoa học công nghệ vào việc nâng cao chất lượng giống cây trồng lâm nghiệp; Lựa chọn và nhân giống các loại cây trồng có khả năng chịu hạn tốt, có khả năng chống chịu với tai biến thiên nhiên,... Phối hợp nhiều loại cây trồng nông nghiệp với cây rừng hình thành các mô hình nông - lâm kết hợp để nâng cao hiệu quả sản xuất trên một ha diện tích ĐLN, hiện đại hóa công nghiệp khai thác và chế biến lâm sản để nâng cao giá trị hàng hóa.

- *Nâng cao năng lực và hiệu quả của công nghiệp chế biến và thu mua lâm sản:* Cần quy hoạch vùng trồng cây lâm nghiệp để đảm bảo cung ứng nguồn nguyên liệu thường xuyên cho các cơ sở khai thác và chế biến gỗ, sản xuất giấy liên tục và đạt năng suất cao; Tạo mối liên hệ chặt chẽ giữa người dân xuất và doanh nghiệp trên cơ sở đôi bên cùng có lợi,...

4. KẾT LUẬN

Với những điều kiện tự nhiên thuận lợi, Quảng Trạch là huyện có nhiều thế mạnh phát triển lâm nghiệp. Mặc dù trong những năm qua, huyện cũng đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ và hiệu quả sử dụng ĐLN đạt mức khá cao song vẫn còn nhiều thách thức trong vấn đề sử dụng ĐLN như vấn đề vốn, ứng dụng khoa học - công nghệ trong sản xuất giống, chế biến sau thu hoạch, về sự liên kết giữa sản xuất và chế biến...

Chính vì thế, trên cơ sở xem xét hiện trạng, hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường cũng như những bất cập trong việc sử dụng ĐLN, các giải pháp được đề xuất nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng ĐLN như: Đẩy mạnh thu hút vốn đầu tư vào sản xuất lâm nghiệp; Đẩy mạnh nghiên cứu và mở rộng thị trường tiêu thụ; Thúc đẩy ứng dụng mạnh mẽ khoa học và công nghệ vào sản xuất; Nâng cao năng lực và hiệu quả của công nghiệp chế biến và thu mua lâm sản... Đây chính là những giải pháp tin cậy để giải quyết tốt các vấn đề còn tồn tại trong sử dụng ĐLN ở địa phương.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Bộ TN&MT (2015), *Thông tư số 60/2015/TT-BTNMT của Bộ TN&MT ngày 15 tháng 12 năm 2015 Ban hành quy định kỹ thuật điều tra, đánh giá đất đai*, Hà Nội.
- [2]. Chi cục Thống kê huyện Quảng Trạch (2018), *Niên giám thống kê năm 2016*, Quảng Trạch.
- [3]. Chi cục Quản lý Đất đai tỉnh Quảng Bình (2014), *Báo cáo thống kê kiểm kê diện tích đất đai huyện Quảng Trạch năm 2014*, Quảng Bình.
- [4]. Chi cục Quản lý đất đai tỉnh Quảng Bình (2018), *Báo cáo thống kê kiểm kê diện tích đất đai huyện Quảng Trạch năm 2018*, Quảng Bình.
- [5]. Nguyễn Thị Hạnh (2018), *Ứng dụng GIS trong định hướng quy hoạch phát triển đất ở đô thị tại huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình*, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế.
- [6]. Quốc Hội (2013), *Luật Đất đai*, NXB Hà Nội.
- [7]. UBND huyện Quảng Trạch (2016), *Báo cáo tình hình KT-XH, quốc phòng - an ninh năm 2016, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện năm 2017*, Quảng Trạch.

THE CURRENT SITUATION AND THE SOLUTIONS TO IMPROVE EFFICIENCY OF FOREST LAND USE IN QUANG TRACH DISTRICT, QUANG BINH PROVINCE

Bui Thi Thu^{1*}, Nguyen Minh Nguyet, Le Minh Dang

Faculty of Geography and Geology, University of Sciences, Hue University

*Email: lapthuhue@gmail.com

ABSTRACT

Quang Trach district has a lot of forestry strengths, with the forestry land area taking up 54.83% of the total natural land area. In particular, the productive forestry area accounts for over 55.3% of the total forestry land area creating many advantages in forest development. However, the ineffectiveness of the forest land

use has significantly affected the forestry development. The analysis of forest land use efficiency is the basis for proposing solutions for rational use of this resource in the local area.

Keywords: forest land, efficiency of forest land use, Quang Trach district.



Bùi Thị Thu sinh ngày 28/3/1970 tại TP. Huế. Năm 1993, bà tốt nghiệp cử nhân ngành Địa lý tại Trường Đại học Tổng hợp Huế. Năm 2002, bà tốt nghiệp Thạc sĩ chuyên ngành Địa lý tự nhiên tại Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế. Năm 2014, bà nhận học vị Tiến sĩ chuyên ngành Quản lý tài nguyên và môi trường tại Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội. Từ năm 1993 đến nay, bà công tác tại Trường Đại học Tổng hợp, nay là Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế.

Lĩnh vực nghiên cứu: Tài nguyên du lịch, tài nguyên đất, kinh tế tài nguyên và một số vấn đề về phát triển nông nghiệp, nông thôn.



Nguyễn Minh Nguyệt sinh ngày 03/02/1983 tại Nghệ An. Năm 2005, bà tốt nghiệp Cử nhân sự phạm Địa lý tại Trường Đại học Vinh; năm 2008 tốt nghiệp Thạc sĩ chuyên ngành Địa lý tự nhiên tại Trường Đại học Khoa học tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội; Năm 2014 bảo vệ Tiến sĩ Địa lý tự nhiên, tại Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG Hà Nội. Từ năm 2008 đến nay, bà công tác tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

Lĩnh vực nghiên cứu: Địa lý tự nhiên, tài nguyên & môi trường.



Lê Minh Đăng sinh ngày 10/11/1987 tại Quảng Bình. Năm 2009, ông tốt nghiệp Kỹ sư Lâm nghiệp; Năm 2017, ông theo học thạc sĩ Quản lý tài nguyên và môi trường. Từ năm 2011 đến nay, ông công tác tại Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công Nông nghiệp Quảng Bình.

Lĩnh vực nghiên cứu: Lâm nghiệp, đất lâm nghiệp.